

CÔNG TY TNHH AN LUXURY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH AN LUXURY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN LUXURY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109501477

3. Ngày thành lập: 19/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 2/22 ngõ 84 Đường Yên Bình, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0835881199

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Trồng cây cà phê	0126
7.	Trồng cây chè	0127
8.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
9.	Trồng cây lâu năm khác	0129
10.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
11.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
12.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
13.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
14.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
15.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146
17.	Chăn nuôi khác	0149
18.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
19.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
20.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
21.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
22.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
23.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

24.	Khai thác gỗ	0220
25.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
26.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
27.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
28.	Khai thác thủy sản biển	0311
29.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
30.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
31.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
32.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
33.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
36.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
37.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
41.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
42.	Sản xuất chè	1076
43.	Sản xuất cà phê	1077
44.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
45.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
48.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
49.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
50.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất khăn bông	1399
51.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
52.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
53.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
54.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
55.	Sản xuất giày, dép	1520
56.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
57.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
58.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
59.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
60.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
61.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

62.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
63.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
64.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
65.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
66.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
67.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
68.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
71.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
72.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
73.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
74.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
78.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
80.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)	4610
81.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
82.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
83.	Bán buôn thực phẩm	4632
84.	Bán buôn đồ uống	4633
85.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác - Bán buôn hàng may mặc - Bán buôn giày dép	4641
86.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
87.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
89.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
90.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
91.	Bán buôn tổng hợp	4690
92.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
93.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
94.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
95.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
96.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
97.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
98.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
99.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
100.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
101.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
102.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí, trừ đấu giá)	4773
103.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
104.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
105.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
106.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
107.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

108.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
109.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
110.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
111.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình giao thông, thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn lập Quy hoạch xây dựng các loại công trình xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án, Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Khảo sát xây dựng - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn đấu thầu - Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: + Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; + Thiết kế máy móc và thiết bị; + Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. + Hoạt động đo đạc và bản đồ	7110
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
113.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
114.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cửa, vách nhôm kính, sản xuất cửa nhựa lõi thép	3290
115.	Quảng cáo	7310

116.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
117.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
118.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
119.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
120.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
121.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
122.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
123.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

6. Vốn điều lệ: 1.123.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: _____
 Số giấy chứng thực cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: _____
 Chỗ ở hiện tại: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ THỊ DUYÊN Giới tính: Nữ
 Chức danh: Giám đốc
 Sinh ngày: 03/11/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
 Số giấy chứng thực cá nhân: 034188001263
 Ngày cấp: 23/03/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 02 ngõ 87 Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Chỗ ở hiện tại: Số 02 ngõ 87 Hoàng Đạo Thành, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội